

Số: 22/2024/QĐST-LĐ

Tân Uyên, ngày 12 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đậu Thị Loan.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 47/2024/TLST-VLĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 47/2024/QĐST-LĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc lao động: Bà Phan Thị T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị Kiều M, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH V; địa chỉ: Đường D, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH V: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm Xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường Đ, khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm Xã hội thành phố T: Ông Nguyễn Hữu B, chức vụ: Phó giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà **Phan Thị T** trình bày: Từ khoảng tháng 10/2006 đến tháng 8/2020 bà **Phan Thị T** làm việc tại **Công ty TNHH V1**. Từ cuối tháng 8/2020 bà **Phan Thị T** xin nghỉ việc. Nay bà **Phan Thị T** rút Bảo hiểm xã hội thì cơ quan Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà bị trùng. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013 bà **Phan Thị T** đang làm việc tại **Công ty TNHH V1** và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã BHXH số: 916181848, nhưng trong khoảng thời gian này bà **Phan Thị T** đã cho bà **Phan Thị Kiều M** (Là cháu gái) sử dụng thông tin cá nhân của bà để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH V** và tham gia bảo hiểm xã hội với mã BHXH số 7411026167. Bà **T** đã nhiều lần liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố Tân Uyên nhưng không điều chỉnh được. Vì vậy, bà **T** yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Phan Thị T** (Do bà **Phan Thị Kiều M** ký kết) và **Công ty TNHH V** (Thời gian làm việc từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013) bị vô hiệu. Không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu

- Ông **Nguyễn Hữu B** là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội **thành phố T, tỉnh Bình Dương** (viết tắt là BHXH) trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu của bà **Phan Thị T**, sinh năm 1985, số CMND 351938477 được **Công ty TNHH V** tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN), với mã số BHXH 7411026167 từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013. Chưa hưởng BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN. Về các yêu cầu của bà **Phan Thị T** thì Bảo hiểm xã hội **thành phố T, tỉnh Bình Dương** đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của người lao động khi tham gia BHXH trên cơ sở nguyên tắc đóng – hưởng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Phan Thị Kiều M** trình bày: Bà và bà **T** có quan hệ là cô cháu. Năm 2011, bà chưa đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động nên đã nhờ chứng minh nhân dân của bà **T** để xin vào làm việc tại **Công ty TNHH V** và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013. Khi đủ tuổi thì bà đã ký lại hợp đồng lao động với công ty đúng tên, tuổi của mình. Nay, bà **M** thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà **T** và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Phan Thị T** với **Công ty TNHH V** (Thời gian làm việc từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013) là vô hiệu. Bà **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến bà trong việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Bà **Nguyễn Thị L** là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty TNHH V** trình bày: Việc bà **M** mượn hồ sơ của bà **T** để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Theo hồ sơ lưu trữ trên máy tính thì bà **T** ký hợp đồng lao động với Công ty từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013 thì nghỉ việc, công việc là công nhân chà nhám, hiện quan hệ lao động giữa Công ty với bà **T** đã chấm dứt, do bà **T** nghỉ việc đã lâu nên hồ sơ lao động của bà **T** không còn lưu trữ tại Công ty. Lỗi dẫn đến việc ký kết hợp đồng với bà **T** (Nhưng bà **M** mới là người thực tế làm việc tại Công ty) là do bà **T** và bà **M**. Nay bà **T** yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Phan Thị T** với **Công**

ty TNHH V (Thời gian làm việc từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013) là vô hiệu, Công ty hoàn toàn đồng ý. Công ty đã chốt sổ bảo hiểm cho bà T.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động, đã được xem xét tại phiên họp, nhận thấy yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị T với Công ty TNHH V (Thời gian làm việc từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013) là vô hiệu của người yêu cầu bà Phan Thị T là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nói trên theo khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất trình bày: Trong thời gian từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013, người lao động tên Phan Thị T, sinh ngày 08/3/1985, số CMND 351938477 được Công ty TNHH V tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7411026167. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH V và bà Phan Thị T phát sinh từ hợp đồng lao động vào tháng 9/2011. Tuy nhiên, bà Phan Thị T và bà Phan Thị Kiều M thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH V và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013 là bà Phan Thị Kiều M chứ không phải bà Phan Thị T. Do bà M chưa đủ tuổi làm chứng minh nhân dân và ký hợp đồng lao động nên bà T đã cho bà M mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà T và bà M phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013 bà T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH V và Công ty TNHH V1 PRO-CONCEPTS.

[2.2] Xét thấy, việc bà Phan Thị Kiều M sử dụng chứng minh nhân dân của bà Phan Thị T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung

thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, **Bảo hiểm xã hội thành phố T** đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà **Phan Thị T** bị trùng từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013. Do đó, bà **T** yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa **Công ty TNHH V** với bà **Phan Thị T** từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà **Phan Thị T** phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà **Trang Kim L1**.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Phan Thị T**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang** với **Công ty TNHH V**, thời gian từ tháng 9/2011 đến tháng 11/2013 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà **Phan Thị T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000057 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Đậu Thị Loan